

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/LĐ-PT

Ngày: 14/01/2019

Về việc: “*Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hoa

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh.

Bà Phan Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Dự - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 01 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 34/2018/LĐ-ST ngày 17/9/2018 Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6123/2018/QĐ-PT ngày 13/12/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ng V H.

Địa chỉ: Số 26 đường Đ D A, Phường C, quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ng V M.

(Theo giấy ủy quyền ngày 30/8/2017)

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh B.

Bị đơn: Công ty Cổ phần G N T N.

Trụ sở chính: 36 P Đ G, Phường K, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà L Th Ng Th.

(Theo giấy ủy quyền ngày 01/6/2018)

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận T.

Người kháng cáo: Ông Ng V H.

Ông Ng V M có mặt tại phiên tòa; bà L Th Ng Th có mặt tại phiên tòa ngày 08/01/2019 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 14/01/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ng V H có ông Ng V M đại diện theo ủy quyền của trình bày:

Ngày 01/3/2013, ông H được nhận vào Công ty Cổ phần G N T N làm việc và có ký hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng. Sau đó giữa ông H và bị đơn có ký hợp đồng lao động lần 2 từ ngày 01/3/2014 đến 28/02/2015. Sau đó ký tiếp hợp đồng lao động lần 3 từ ngày 01/3/2015 đến 01/3/2016, và hợp đồng lao động lần 4 từ ngày 01/3/2016 đến 01/3/2017. Ông H luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ngày 01/3/2017 phía bị đơn ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, ông H nhận thấy phía bị đơn ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông là sai theo quy định của pháp luật vì khi hết hạn hợp đồng mà bị đơn không thông báo trước cho ông.

Trong biên bản lấy lời khai của ông Mai đại diện theo ủy quyền của ông H tại Tòa án nhân dân quận T lúc 16 giờ 10 phút ngày 17/8/2018 đã trình bày:

- Ông Ng V H đã làm cho Công ty Cổ phần G N T N được 4 năm nay ông yêu cầu công ty trả trợ cấp thôi việc là 02 tháng tiền lương và tiền phụ cấp $((6.300.000 * 2) + (1.100.000 * 2)) = 14.800.000$ (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng theo Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động 2012.

- Yêu cầu phía Công ty bồi thường 9.450.000 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng về việc vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày theo Khoản Điều 42 Bộ luật Lao động 2012.

- Số tiền lương, tiền phụ cấp những ngày không được làm việc (Điều 41 Bộ Luật lao động) từ ngày 01/3/2017 đến ngày 01/8/2017 là 05 tháng với số tiền 37.000.000 đồng.

- Hiện tại, phía Công ty không muốn nhận ông H trở lại làm việc nên yêu cầu Công ty bồi thường 2 tháng lương là 12.600.000 (mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng Theo Khoản 2 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần G N T N phải thanh toán là 73.850.000 đồng. Thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Cổ phần G N T N có bà L Th Ng Th là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04/01/2013 Công ty Cổ phần G N T N (gọi tắt TNL) có ký hợp đồng

dịch vụ với Công ty TNT VW (gọi tắt TNT). Để dự án diễn ra thuận lợi, TNL đồng ý tiếp nhận 1 bộ phận nhân viên của TNT (gọi là bộ phận giao nhận TNT) và có thỏa thuận sẽ ký hợp đồng lao động dựa trên tiến độ dự án, nghĩa là thời gian thực hiện hợp đồng lao động hoàn toàn phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng dự án giữa TNL và TNT, dự án thực hiện theo từng năm.

Việc ký hợp đồng dựa trên sự tự nguyện và thiện chí hợp tác, trung thực giữa bị đơn và ông H lần lượt ký các hợp đồng có thời hạn 12 tháng như sau:

1. Từ 01/3/2013 đến 28/02/2014
2. Từ 01/3/2014 đến 28/02/2015
3. Từ 01/03/2015 đến 01/03/2016
4. Từ 01/03/2016 đến 01/03/2017

Thời gian hai bên bị đơn và nguyên đơn đã thực hiện hết theo đúng hợp đồng, Ban giám đốc TNL xét thấy không có nhu cầu tái ký hợp đồng lao động với ông Ng V H nên đã thông báo bằng miệng tới ông H việc chấm dứt hợp đồng lao động. Ông Ng V H đã chấp nhận và không có ý kiến phản biện. Đồng thời ông H đã đồng ý ký và nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 05/QĐ-2017 ngày 01/3/2017. TNL cũng đã thanh toán các khoản lương và chi phí liên quan tới thời điểm ông H nghỉ việc và hỗ trợ ông H làm hồ sơ thất nghiệp với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Nay Bị đơn Công ty Cổ phần G N T N không đồng ý với những yêu cầu của phía nguyên đơn ông Ng V H đưa ra.

Bản án lao động sơ thẩm số 34/2018/LĐ-ST ngày 17/9/2018 Tòa án nhân dân quận T đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Ng V H, xác định Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 05/QĐ-2017 ngày 01/3/2017 của Công ty Cổ phần G N T N là trái với quy định của Bộ luật lao động năm 2012.

2. Buộc và Công ty Cổ phần G N T N phải bồi thường cho ông Ng V H số tiền 22.050.000 đồng (hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi ngàn) đồng ngay sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Không chấp nhận tiền lương những ngày không được làm việc và tiền trợ cấp thôi việc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận T ra Quyết định Kháng nghị số 09/QĐKNST-VKS-LĐ ngày 27/9/2018, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu trả 05 tháng tiền lương theo yêu cầu của ông Ng V H; xác định ông Ng V H thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí.

Ngày 01/10/2018, ông Ng V M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ng V M trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà L Th Ng Th là đại diện theo ủy quyền của Công ty: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Công ty xác nhận hiện nay không còn nhu cầu nhận ông H trở lại làm việc nên đề nghị Tòa án giải quyết việc này theo quy định của Bộ luật Lao động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo hợp lệ vì nộp trong thời hạn pháp luật qui định. Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận T cụ thể:

Căn cứ vào các hợp đồng đã ký giữa ông Ng V H và Công ty Cổ phần G N T N thì cả 04 hợp đồng lao động đã phát sinh mối quan hệ giữa hai bên nên hợp đồng lao động thứ ba trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Công ty Cổ phần G N T N đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Ng V H là có cơ sở pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trả tiền trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn với lý do không phù hợp với Điều 48 Bộ luật Lao động, tức là không thuộc trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động tại Điều 36 là không chính xác. Bởi lẽ, trong trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động sau ngày 01/01/2009 thì thời gian làm việc từ trước 31/12/2008 mới được hưởng trợ cấp thôi việc còn từ ngày 01/01/2009 trở đi ông Ng V H hưởng trợ cấp thất nghiệp được chi trả bởi Cơ quan Bảo hiểm.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trả tiền lương, phụ cấp cho nguyên đơn trong những ngày không được làm việc với lý do Nguyên đơn viện dẫn sai điều luật là không chính xác. Vì đây yêu cầu có cơ sở của đương sự.

Về án phí: Cần xác định ông Ng V H thuộc trường hợp được miễn phí lao động sơ thẩm và xác định lại số tiền án phí mà bị đơn Công ty Cổ phần G N T N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Ng V M là người đại diện theo ủy quyền của ông Ng V H nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận T được ban hành theo đúng thẩm quyền và thời hạn luật định nên có cơ sở để xem xét.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ lao động và chấm dứt hợp đồng lao động:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ông H và Công ty Toàn Nam đã ký hơn 02 hợp đồng lao động xác định thời hạn là 12 tháng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng đầu tiên từ 01/3/2013 đến 28/02/2014
2. Hợp đồng thứ hai từ 01/3/2014 đến 28/02/2015
3. Hợp đồng thứ ba từ 01/03/2015 đến 01/03/2016
4. Hợp đồng thứ tư từ 01/03/2016 đến 01/03/2017

Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Bộ luật Lao động thì việc Công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng với ông H là vi phạm pháp luật và hợp đồng lao động lần 3, lần 4 với ông H trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Do đó, việc Công ty ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 05/QĐ-2017 ngày 01/3/2017 với lý do hết hạn trong hợp đồng là vi phạm pháp luật về căn cứ và thủ tục báo trước. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H trái pháp luật là có cơ sở.

Về hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động:

Do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông H nên Công ty Cổ phần G N T N phải bồi thường cho ông H theo Điều 42 Bộ luật Lao động các khoản sau:

- Trả 02 tháng tiền lương và tiền phụ cấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn: $((6.300.000 \times 2) + (1.100.000 \times 2)) = 14.800.000$ (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng

- Tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày tương đương 9.450.000 (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Đối với số tiền lương, tiền phụ cấp những ngày không được làm việc: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng do nguyên đơn viện dẫn cơ sở pháp lý là Điều 41 Bộ luật Lao động không chính xác nên không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Xét thấy, việc viện dẫn luật không chính xác không làm mất đi quyền lợi của người lao động, yêu cầu đòi tiền lương, tiền phụ cấp trong những ngày là có cơ sở, có căn cứ pháp luật. Do đó, cần chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận T về phần này. Như vậy cần xác định Công ty phải trả tiền lương, tiền phụ cấp theo yêu cầu của ông Ng V H trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/3/2017 đến ngày 01/8/2017 là 05 tháng với số tiền: $(6.300.000 + 1.100.000) \times 5 \text{ tháng} = 37.000.000$ (ba mươi bảy triệu) đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn là bà Lê Thị Ngọc Thanh xác nhận Công ty Cổ phần G N T N không còn nhu cầu nhận lại ông H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nguyên đơn ông Ng V H có ông Ng V M là đại diện theo ủy quyền trình bày: phía ông H yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 thì trong trường hợp này Công ty phải bồi thường 2 tháng lương là 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần G N T N phải bồi thường cho ông Ng V H là:

$37.000.000 \text{ đồng} + 9.450.000 + 14.800.000 \text{ đồng} + 14.800.000 \text{ đồng} = 76.050.000$ (bảy mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Đối với yêu cầu đòi tiền trợ cấp thôi việc của ông Ng V H: Xét thấy từ ngày 01/01/2009 thì thời gian làm việc từ trước 31/12/2008 mới được hưởng trợ cấp thôi việc còn từ ngày 01/01/2009 trở đi ông Ng V H hưởng trợ cấp thất nghiệp được chi trả bởi Cơ quan Bảo hiểm. Do đó, nghĩ không nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Về án phí:

Căn cứ theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H thuộc trường hợp miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm. Do đó, cần xác định ông H không phải chịu án phí sơ thẩm và sửa án sơ thẩm về phần này.

Công ty Cổ phần G N T N phải chịu án phí lao động trên số tiền phải trả cho ông H là: 2.281.500 (Hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a, d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm a, khoản 2 Điều 38; khoản 2, khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và căn cứ điểm b, tiểu mục 1.5 khoản 1 phần II, Danh mục A của Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết ghi trên;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

Sửa bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Ng V H, xác định Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 05/QĐ-2017 ngày 01/3/2017 của Công ty Cổ phần G N T N là trái với quy định của Bộ luật lao động năm 2012.

2/ Buộc và Công ty Cổ phần G N T N phải bồi thường cho ông Ng V H số tiền 76.050.000 (bảy mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng bao gồm: (02 tháng tiền lương đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng; 05 tháng tiền lương và phụ cấp trong những không được làm việc là 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng; 02 tháng tiền lương do Công ty không nhận người lao động trở lại làm việc là 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng; tiền vi phạm nghĩa vụ báo trước là 9.450.000 (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng). Tất cả thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Ng V H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền là 76.050.000 (bảy mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng thì Công ty Cổ phần G N T N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ng V H đòi tiền trợ cấp thôi việc tương đương với 02 tháng tiền lương và tiền phụ cấp là: $7.400.000 \times 2 = 14.800.000$ (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

4/ Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Ông H được miễn nộp án phí sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Công ty Cổ phần G N T N phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông H là: 2.281.500 (Hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện KSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện KSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận T;
- Tòa án nhân dân quận T;
- Viện KSND quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hoa